

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch HĐQT	
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Thành viên	
Ông Dương Quang Đông	Thành viên	
Bà Vương Bảo Yến	Thành viên	
Bà Trần Thúy Loan	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Tuyết Nhung	Trưởng Ban	
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên	Miễn nhiệm từ 27/06/2022
Bà Nguyễn Thị Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm từ 27/06/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Dương Quang Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Phan Thị Trà Giang bổ nhiệm ngày 12/07/2022.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Huy Thành

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Số: 04 /2022/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 8 năm 2022, từ trang 06 đến trang 46 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét: số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này tại ngày 10/8/2021.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 18/03/2022.



Đặng Minh Đức

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4885-2020-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.044.823.661.944	594.476.758.557
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	82.395.852.371	137.343.975.299
Tiền	111		22.895.852.371	137.343.975.299
Các khoản tương đương tiền	112		59.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	75.000.000.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		75.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		625.879.197.803	262.449.335.276
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	249.144.104.012	144.816.690.043
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	376.796.229.290	111.723.772.287
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	148.001	5.970.156.446
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(61.283.500)	(61.283.500)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	9	259.900.614.642	191.936.313.594
Hàng tồn kho	141		259.900.614.642	191.936.313.594
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.647.997.128	2.747.134.388
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	54.430.684	25.269.379
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.593.566.444	2.721.865.009
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		288.822.100.859	308.903.419.504
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		52.467.413.686	57.837.890.079
Tài sản cố định hữu hình	221	12	52.467.413.686	57.837.890.079
- Nguyên giá	222		86.024.860.391	86.024.860.391
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.557.446.705)	(28.186.970.312)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.352.691.213	7.352.691.213
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	7.352.691.213	7.352.691.213
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	217.000.000.000	230.400.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		202.000.000.000	202.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		15.000.000.000	28.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		12.001.995.960	13.312.838.212
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	12.001.995.960	13.312.838.212
TỔNG TÀI SẢN	270		1.333.645.762.803	903.380.178.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		68.133.694.078	87.845.076.692
Nợ ngắn hạn	310		66.849.335.774	86.204.568.384
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	10.373.695.800	23.181.147.750
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	4.758.542.776	3.634.346.290
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	12.619.279.112	18.550.942.465
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		132.407.407	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		13.011.181.191	12.593.902.391
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	25.364.100.008	27.654.100.008
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		590.129.480	590.129.480
Nợ dài hạn	330		1.284.358.304	1.640.508.308
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	1.284.358.304	1.640.508.308
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.265.512.068.725	815.535.101.369
Vốn chủ sở hữu	410	17	1.265.512.068.725	815.535.101.369
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.123.552.780.000	723.552.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.123.552.780.000	723.552.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(238.202.140)	(105.794.733)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.950.219.860	2.950.219.860
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		139.247.271.005	89.137.896.242
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		89.137.896.242	7.116.776.676
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.109.374.763	82.021.119.566
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.333.645.762.803	903.380.178.061

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2022



Người lập biểu	Kế toán trưởng	
		
Nguyễn Thị Quyên	Phan Thị Trà Giang	Phạm Huy Thành

Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022	Từ 01/01/2021
			đến 30/06/2022	đến 30/06/2021
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	564.069.754.458	324.642.624.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		564.069.754.458	324.642.624.369
Giá vốn hàng bán	11	19	503.488.300.960	305.179.159.735
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.581.453.498	19.463.464.634
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	6.859.657.619	2.511.188
Chi phí tài chính	22	21	609.782.426	288.771.221
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		609.782.426	288.771.221
Chi phí bán hàng	25	23	288.966.155	718.559.538
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.711.667.408	2.382.272.372
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.830.695.128	16.076.372.691
Thu nhập khác	31		-	3
Chi phí khác	32	22	105.158.482	-
Lợi nhuận khác	40		(105.158.482)	3
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.725.536.646	16.076.372.694
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	12.616.161.883	3.258.160.253
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.109.374.763	12.818.212.441
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	610	188
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	610	182

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu 	Kế toán trưởng 	
Nguyễn Thị Quyên	Phan Thị Trà Giang	Phạm Huy Thành

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		62.725.536.646	16.076.372.694
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.370.476.393	4.172.109.389
Các khoản dự phòng	03		-	-
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(6.859.657.619)	(2.511.188)
Chi phí lãi vay	06		609.782.426	288.771.221
Các điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61.846.137.846	20.534.742.116
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(362.301.563.962)	59.260.852.115
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(67.964.301.048)	(15.807.131.926)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.130.452.026)	14.270.300.385
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.281.680.947	(98.617.939)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(609.782.426)	(288.771.221)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.550.942.467)	(7.247.835.384)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(397.429.223.136)	70.623.538.146
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(7.962.932.970)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(37.400.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		18.760.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.499.657.619	2.511.188
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(54.740.342.381)	(45.360.421.782)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	399.867.592.593	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	24.651.800.000	2.326.500.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.297.950.004)	(12.940.375.004)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	397.221.442.589	(10.613.875.004)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(54.948.122.928)	14.649.241.360
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	137.343.975.299	20.440.647.731
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	82.395.852.371	35.089.889.091

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu	Kế toán trưởng	
 Nguyễn Thị Quyên	 Phan Thị Trà Giang	 Phạm Huy Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0102382580 ngày 04/10/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 21 vào ngày 28/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 906, Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại: Số 9 Ngách 61/4 Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội, Việt Nam.

Nhà máy của công ty đặt tại: Xóm Ao Kênh, xã Liên Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/6/2022 là 1.123.552.780.000 đồng chia thành 112.355.278 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 28 tháng 3 năm 2015, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 690/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn MBG niêm yết 8.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 28 tháng 3 năm 2017, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã ban hành Quyết định số 10/GCN-UBCK về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 12.800.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 06 tháng 09 năm 2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 567/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần đầu tư Phát triển xây dựng và thương mại Việt Nam niêm yết bổ sung 1.040.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 732/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần đầu tư Phát triển xây dựng và thương mại Việt Nam niêm yết bổ sung 20.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 04 tháng 05 năm 2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 187/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn MBG niêm yết 1.255.200 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 13 tháng 11 năm 2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 631/QĐ-SGDHN về việc cho Công ty cổ phần tập đoàn MBG niêm yết 25.000.000 cổ phiếu tại HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 24 tháng 09 năm 2021, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 2974/TB-SGDHN về việc cho công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 2.154.565 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 3419/TB-SGDHN về việc cho công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 2.105.513 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Ngày 06 tháng 07 năm 2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Thông báo số 2250/TB-SGDHN về việc cho công ty Cổ phần Tập đoàn MBG niêm yết bổ sung 400.000.000 cổ phiếu HNX với mã chứng khoán là MBG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2022 là 24 người (tại ngày 31/12/2021 là 22 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, xây lắp.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất thiết bị đèn chiếu sáng, đèn trang trí, sản xuất đồ điện gia dụng
- Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong nhà;
- Bán buôn trang thiết bị y tế, dụng cụ vật tư y tế;
- Kinh doanh bất động sản.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các công ty liên kết như sau:

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
- Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sơn Phú Yên	48,00%	48,00%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng
- Công ty Cổ phần Zone Việt	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	41,67%	41,67%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Green Island	20,00%	20,00%	Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí
Đầu tư vào đơn vị khác			
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	15,00%	15,00%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được soát xét.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Tại ngày 30/06/2022, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	04

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí thực hiện các dự án.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, khoản trả trước tiền thuê đất, lợi thế kinh doanh, lợi thế thương mại, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.11 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành là 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	2.068.520.891	3.581.403.973
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.827.331.480	133.762.571.326
- Các khoản tương đương tiền	59.500.000.000	-
Cộng	82.395.852.371	137.343.975.299

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	75.000.000.000	75.000.000.000	-	-

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	202.000.000.000	-	202.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vcado global (1)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần MBG Lạc sanh Phú Yên (2)	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Zone Việt (3)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công Nghiệp Miền Trung (4)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Green Island (5)	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	15.000.000.000	-	28.400.000.000	-
- Công ty Cổ phần PIACA Phú Yên (6)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Golf quốc tế Quang Tiến (7)	-	-	13.400.000.000	-
Cộng	217.000.000.000	-	230.400.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 như sau:**

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần VCADO GLOBAL	Số 906, đường Nguyễn Khoái, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ;
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Thôn Bình Thắng, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên	48,00%	48,00%	Các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng
- Công ty Cổ phần Zone Việt	Cụm Đồi Vàng, xã Thành Lập, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	40,00%	40,00%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Lô D12, một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An Phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	41,67%	41,67%	Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ
- Công ty Cổ phần Green Island	Xóm mới, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, Tỉnh Hòa Bình	20,00%	20,00%	Dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Một phần lô D4 và một phần lô D5 KCN An phú, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	15,00%	15,00%	Sản xuất các sản phẩm từ nhựa

(1) Công ty CP VCADO GLOBAL

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 67/QĐ-VN của Công ty ngày 30/03/2015 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông (đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Vcado Global) số tiền góp vốn là 12.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ.
- Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 12121/NQ-HĐQT ngày 12/12/2018, Công ty góp thêm 36.000.000.000 đồng, tổng số vốn góp là 48.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vcado Global là 120.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Hiện tại Công ty Cổ phần Vcado Global đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ, phát triển hệ thống bán hàng thương mại điện tử.
- Thời điểm kết thúc kỳ kết toán 30/06/2022 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi 236.232.891 đồng. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là 32.456.343.196 đồng, doanh thu hoạt động tài chính là 340.799.066 đồng. Tại ngày 30/06/2022 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 533.808.522 đồng, vốn chủ sở hữu là 120.533.808.522 đồng.

(2) Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên

- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT ngày 14/09/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên, tổng số vốn góp 18.000.000.000 chiếm 60% vốn điều lệ của MBG Lạc Sanh Phú Yên.
- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 111201/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 11/12/2017 về việc không mua thêm cổ phần phát hành thêm của Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên làm giảm tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của Công ty từ 60% vốn điều lệ xuống còn 36%.
- Theo Quyết định Hội đồng quản trị số 110701/2019/QĐ-HĐQT ngày 11/07/2019 về việc thay đổi người đại diện phần vốn góp và nhận chuyển nhượng phần vốn góp trị giá 6.000.000.000 đồng để nâng phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên từ 18.000.000.000 đồng lên 24.000.000.000, chiếm 48% tổng số vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên.
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư số 1414/QĐ-UBND Tỉnh Phú Yên ngày 10/09/2019 đối với dự án "Du lịch nghỉ dưỡng suối khoáng nóng Lạc Sanh" với tổng vốn đầu tư khoảng 196,65 tỷ đồng mục đích phục vụ nhu cầu du lịch của du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển ngành du lịch tỉnh Phú Yên. Công ty đang triển khai và hoàn tất các thủ tục đầu tư theo kế hoạch đã được UBND tỉnh Phú Yên phê duyệt.
- Đến thời điểm hiện tại công ty đang thực hiện đền bù đất cho dự án và đã hoàn thành đền bù, giải phóng mặt bằng 90% đất thực hiện dự án. Ngoài ra công ty đang trình phê duyệt nhiệm vụ 1/500 và các thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư khác.
- Thời điểm kết thúc kỳ kết toán 30/06/2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi 74.577.486 đồng, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là 7.787.533.200 đồng, doanh thu hoạt động tài chính là 181.013.741 đồng. Tại ngày 30/06/2022 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 459.517.313 đồng, vốn chủ sở hữu là 50.459.517.313 đồng.

Người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Phạm Huy Thành.

(3) Công ty Cổ phần Zone Việt

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 231101/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 23/11/2017 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty cổ phần MBG Hòa Bình (nay đổi tên là Công ty Cổ phần Zone Việt) số tiền góp vốn là 40.000.000.000 đồng tương đương 40% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 30/11/2017.
- Hiện tại Công ty Cổ phần Zone Việt đang hoạt động kinh doanh bình thường; ngành nghề đang hoạt động là Xây dựng nhà các loại, kinh doanh thương mại dịch vụ và đang trong giai đoạn nghiên cứu thực hiện dự án tại Hòa Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- Thời điểm kết thúc kỳ kết toán 30/06/2022 hoạt sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi 107.915.737 đồng, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ là 1.531.685.000 đồng, doanh thu hạt động tài chính là 218.307.740 đồng. Tại ngày 30/06/2022 lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 349.517.538 đồng, vốn chủ sở hữu là 100.349.517.638 đồng.

(4) Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 140901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 14/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung, số tiền góp vốn là 80.000.000 đồng tương đương 66,67% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 27/12/2018.

- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung được chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án: “Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1” theo quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 300 tỷ đồng. Công ty đã hoàn hành các thủ tục chuẩn bị đầu tư như: Xin cấp thông tin quy hoạch, môi trường, thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy, đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép xây dựng...

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 121101/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/11/2019 về việc chào bán phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 VNĐ

-Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 091201/2019/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 09/12/2019 về việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty CP Công nghiệp Miền Trung với giá trị chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần, mệnh giá chào bán 11.000 đồng/cổ phần tương đương với số tiền 33.000.000.000 đồng. Ngày 24/12/2019, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 3.000.000 cổ phần cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 11.000 đồng/cổ phần. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty còn sở hữu 50.000.000 đồng vốn góp tương đương với 5.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung chiếm tỷ lệ sở hữu 41,67% vốn điều lệ.

- Theo quyết định số 90/QĐ-BQLKKT ngày 02 tháng 08 năm 2021 UBND Tỉnh Phú Yên, BQL Tỉnh Phú Yên về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án: “Nhà máy lắp ráp thiết bị điện” đã được Ban quản lý khu kinh tế Phú Yên chấp thuận tại Quyết định số 150/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 V/v điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án: “Nhà máy sản xuất sơn và chất phủ bề mặt số 1” của công ty với nội dung điều chỉnh dự án đầu tư: “Lắp ráp thiết bị chiếu sáng led, lắp ráp tấm pin mặt trời; lắp ráp pin ỉnh điện năng lượng mặt trời”.

- Hiện tại công ty đã hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư và triển khai khởi công xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và đưa dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh . Và bắt đầu công tác đầu tư xây dựng: San lấp mặt bằng, thi công nhà xưởng.

- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung đang trong giai đoạn đầu tư dự án chưa hình thành tài sản cố định nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Thời điểm kết thúc kỳ kết toán 30/06/2022 doanh thu thu hoạt động tài chính là 471.406.443 đồng. Thời điểm kết thúc kỳ kết toán 30/06/2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi là 235.723.542 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 681.047.657 đồng, vốn chủ sở hữu là 120.681.047.557 đồng.

(5) Công ty Cổ phần Green Island

- Theo Quyết định số 2231/UBND-NNTN ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hoà Bình chủ trương cho Công ty CP Tập đoàn MBG nghiên cứu, khảo sát, lập dự án: “Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island” tại Đảo Xanh, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, UBND tỉnh có ý kiến đồng ý chủ trương cho Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG được nghiên cứu, khảo sát lập dự án Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí trên khu đất có diện tích khoảng 16,3 ha tại Đảo Xanh, xã Thung Nai,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

huyện Cao Phong, tỉnh Hoà Bình. Với tổng mức đầu tư 824.539.000.000 đồng. Công ty đã được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Từ Liêm cam kết cấp tín dụng số GJ21BE9743 để thực hiện dự án số tiền là 659.631.000.000 đồng.

- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 0611/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 06/11/2020 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Green Island, số tiền góp vốn là 16.000.000.000 VNĐ tương đương 20% vốn điều lệ.
- Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 1203/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 12/03/2021 về việc tăng góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Green Island. Vốn đã góp tại Công ty Cổ phần Green Island 16.000.000.000 VNĐ (Mười sáu tỷ đồng) tăng lên: 40.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi tỷ đồng) chiếm 20% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Green Island. Đến 30/06/2022 Công ty đã góp 40.000.000.000 VNĐ (Bốn mươi tỷ đồng).
- Hiện tại, dự án "Biệt thự nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái Green Island" đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hình thành tài sản cố định nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Thời điểm kết thúc kỳ kết toán 30/06/2022 doanh thu hoạt động tài chính là 141.135.338 đồng. Tại ngày 30/06/2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi là 45.697.070 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 231.396.063 đồng, vốn chủ sở hữu là 200.231.396.063 đồng.

(6) Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên

- Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 170901/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 17/09/2018 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên, số tiền góp vốn là 15.000.000.000 đồng tương đương 15% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ số vốn trên vào ngày 04/10/2018.
- Ngày 19/11/2018 Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên được chấp thuận chủ trương đầu tư: "Nhà máy sản xuất nhựa, bao bì cao cấp" theo quyết định số 151/QĐ-BQLKKT ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Phú Yên, BQL Khu kinh tế Phú Yên với tổng mức đầu tư 200 tỷ đồng.
- Hiện nay dự án đã hoàn thành các thủ tục: cấp phép xây dựng, PCCC..., và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 067494 ngày 30/08/2019 do sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Phú Yên cấp. Công ty đã khởi công dự án xây dựng và đang hoàn thành giai đoạn 1: san lấp mặt bằng, nhà xưởng số 2, hàng rào, hạ tầng kỹ thuật nhà máy.

- Công ty CP PJACA Phú Yên đang trong giai đoạn đầu tư dự án nên chưa phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Thời điểm kết thúc kỳ kết toán 30/06/2022 doanh thu hoạt động tài chính là 721.279.344 đồng. Tại ngày 30/06/2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi là: 466.275.713 đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 1.629.967.841 đồng, vốn chủ sở hữu là 101.629.967.841 đồng.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Đặng Thị Tuyết Lan.

(7) Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến (Đã Thoái vốn)

- Góp vốn vào Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến theo Quyết định của hội đồng quản trị số 0601/2021/QĐ-HĐQT ngày 06 tháng 01 năm 2021; Giá trị vốn góp 13.400.000.000 đồng chiếm 5% vốn điều lệ của công ty; Người đại diện pháp luật của công ty là ông Phạm Mạnh Cường
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến vẫn đang trong giai đoạn xin cấp phép triển khai dự án. Ngày 03/03/2021 công ty nhân được quyết định số 455/QĐ- UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở sinh thái Quang Tiến và quyết định số 457/QĐ-UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt nhiệm vụ Quy Hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phức hợp sân Golf và dịch vụ thể thao Quang Tiến.
- Theo quyết định của Hội đồng quản trị số 2001/2022/QĐ-HĐQT của Công ty ngày 20/01/2022 về việc thoái vốn tại công ty cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến. Ngày 21/01/2022 công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến. Công ty cổ phần tập đoàn MBG và Công ty cổ phần Golf Quốc tế Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

Tiền không còn là bên liên quan. Việc thoái vốn thành công này đã đem lại lợi nhuận doanh thu hoạt động tài chính là 5.360.000.000 VNĐ (Năm tỷ, ba trăm sáu mươi triệu đồng/.)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	249.144.104.012	61.283.500	144.816.690.043	61.283.500
- Công ty Cổ phần Kosy	68.375.021.467	-	9.247.277.998	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại An	55.146.511.256	-	22.647.634.270	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư HTV	32.883.224.220	-	-	-
- Công ty Cổ phần MEPPRO	24.421.501.589	-	28.890.032.684	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	11.570.840.160	-	-	-
- Công ty TNHH Ánh Sáng Tiến Dư	9.344.459.440	-	14.344.459.440	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị VINAHUD	8.201.556.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	39.200.989.880	61.283.500	69.687.285.651	61.283.500
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	249.144.104.012	61.283.500	144.816.690.043	61.283.500

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	376.796.229.290	-	111.723.772.287	-
- Công ty TNHH VITECO Hà Thành	90.975.382.354	-	45.733.797.734	-
- Công ty TNHH Văn Phong Holding	90.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Kim khí Thành Hưng	77.930.656.050	-	2.774.876.823	-
- Công ty Cổ phần PJACA GROUP	61.517.975.806	-	-	-
- Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần VINHOMES	56.043.410.080	-	-	-
- Các khoản trả trước khác	328.805.000	-	63.215.097.730	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	376.796.229.290	-	111.723.772.287	-

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	148.001	-	5.970.156.446	-
- Tạm ứng	-	-	5.970.000.000	-
- Phải thu khác	148.001	-	156.446	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	148.001	-	5.970.156.446	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.544.106.479	-	104.541.734.553	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	122.306.877.077	-	-	-
Thành phẩm	25.593.681.408	-	22.945.188.464	-
Hàng hóa	94.455.949.678	-	64.449.390.577	-
Cộng	259.900.614.642	-	191.936.313.594	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là chi phí mua của các sản phẩm liên kết, shophouse, biệt thự đơn lập, song lập tại dự án THE EMPIRE VINHOMES OCEANPARK2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***10. TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	7.352.691.213	7.352.691.213
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	7.352.691.213	7.352.691.213
- Sửa chữa	-	-
Cộng	7.352.691.213	7.352.691.213

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	54.430.684	25.269.379
- Các khoản khác	54.430.684	25.269.379
Dài hạn	12.001.995.960	13.312.838.212
- Chi phí sửa chữa văn phòng, giao dịch	11.908.027.778	13.256.106.393
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	93.968.182	56.731.819
Cộng	12.056.426.644	13.338.107.591

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	21.578.921.664	57.903.970.000	6.506.968.727	35.000.000	-	86.024.860.391
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
30/06/2022	21.578.921.664	57.903.970.000	6.506.968.727	35.000.000	-	86.024.860.391
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2022	(9.932.938.352)	(16.532.355.673)	(1.686.676.287)	(35.000.000)	-	(28.186.970.312)
- Khấu hao trong kỳ	(1.094.193.318)	(3.840.305.807)	(435.977.268)	-	-	(5.370.476.393)
30/06/2022	(11.027.131.670)	(20.372.661.480)	(2.122.653.555)	(35.000.000)	-	(33.557.446.705)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2022	11.645.983.312	41.371.614.327	4.820.292.440	-	-	57.837.890.079
30/06/2022	10.551.789.994	37.531.308.520	4.384.315.172	-	-	52.467.413.686

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 4.602.303.806 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 5.008.241.454 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	10.373.695.800	10.373.695.800	23.181.147.750	23.181.147.750
- Công ty Cổ phần Văn Phong Toàn Cầu	10.373.695.800	10.373.695.800	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đông Á	-	-	16.866.128.500	16.866.128.500
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Phát triển Hạ tầng Việt Nam	-	-	6.315.019.250	6.315.019.250
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.373.695.800	10.373.695.800	23.181.147.750	23.181.147.750

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	4.758.542.776	4.758.542.776	3.634.346.290	3.634.346.290
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	1.728.668.400	1.728.668.400	1.728.668.400	1.728.668.400
- Công ty Cổ phần Phần mềm và Thương mại trực tuyến Sato	1.104.898.500	1.104.898.500	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu WILLY SPORTS	805.859.986	805.859.986	1.602.150.000	1.602.150.000
- Công ty TNHH sản xuất và Thương mại Tuấn Hưng	785.000.000	785.000.000	-	-
- Khác	334.115.890	334.115.890	303.527.890	303.527.890
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.758.542.776	4.758.542.776	3.634.346.290	3.634.346.290

Các Thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.550.942.465	12.616.161.883	18.550.942.467	12.616.161.881
- Thuế thu nhập cá nhân	-	3.117.231	-	3.117.231
- Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	105.158.482	105.158.482	-
	18.550.942.465	12.729.437.596	18.661.100.949	12.619.279.112

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	25.364.100.008	25.364.100.008	24.651.800.000	26.941.800.000	27.654.100.008	27.654.100.008
Vay ngắn hạn	24.651.800.000	24.651.800.000	24.651.800.000	26.941.800.000	26.941.800.000	26.941.800.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ	8.451.800.000	8.451.800.000	8.451.800.000	8.451.800.000	8.451.800.000	8.451.800.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000	18.490.000.000	18.490.000.000	18.490.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	712.300.008	712.300.008	-	-	712.300.008	712.300.008
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	247.000.008	247.000.008	-	-	247.000.008	247.000.008
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ	465.300.000	465.300.000	-	-	465.300.000	465.300.000
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	1.284.358.304	1.284.358.304	-	356.150.004	1.640.508.308	1.640.508.308
- Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	82.333.304	82.333.304	-	123.500.004	205.833.308	205.833.308
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ	1.202.025.000	1.202.025.000	-	232.650.000	1.434.675.000	1.434.675.000
Cộng	26.648.458.312	26.648.458.312	24.651.800.000	27.297.950.004	29.294.608.316	29.294.608.316

(1) Hợp đồng tín dụng số 49525.21.051.1970764 ngày 04/10/2021. Số tiền vay: 8.451.800.000 VND; Mục đích sử dụng thanh toán tiền hàng; Thời hạn vay: 6 tháng; Lãi suất vay: 5,3%/năm.

(2) Hợp đồng tín dụng số 1612021/HĐTD ngày 23/08/2021 giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Chi nhánh Sở Giao dịch (MSB) và Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG. Số tiền vay 16.200.000.000 VND; Thời hạn vay 03 tháng. Lãi suất 6,4% năm; Mục đích sử dụng: Thanh toán tiền hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

- (3) Hợp đồng tín dụng số 1000405327 ngày 30/10/2019 với Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam. Giá trị khoản vay: 988.000.000 VND. Thời hạn vay: 48 tháng.
Mục đích vay: mua xe ô tô nhãn hiệu Toyota. Lãi suất: 6,99%/năm áp dụng kể từ ngày giải ngân và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Tài sản đảm bảo: xe ô tô con 5 chỗ hiệu Toyota màu đen

Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 48 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán hàng tháng là 20.583.334 VND.

- (4) Hợp đồng vay số 6967.21.051.1970764 ngày 02/02/2021 với Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam - CN Điện Biên Phủ. Hạn mức cho vay: 2.326.500.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Vay thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng bán hàng số: HAN2021-0004 ký ngày 21/01/2021 giữa chi nhánh Công ty CP Liên Á Quốc tế và Công ty CP tập đoàn MBG

Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân

Tài sản đảm bảo: xe ô tô; số khung: WAUZZ4MXLD015453; số máy: DCB210618; biên kiểm soát 30G-859.54 do phòng cảnh sát giao thông công an thành phố Hà Nội cấp.
Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa: 55%.

Lịch thanh toán và lãi suất: Khoản vay được thanh toán thành 60 kỳ; số tiền nợ gốc thanh toán hàng tháng là 38.775.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	680.952.000.000	(105.794.733)	2.088.291.811	-	50.866.794.076	733.801.291.154
- Tăng vốn trong năm trước	42.600.780.000	-	-	-	-	42.600.780.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	82.021.119.566	82.021.119.566
- Tăng khác	-	-	861.928.049	-	-	861.928.049
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(43.750.017.400)	(43.750.017.400)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.149.237.400)	(1.149.237.400)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	(42.600.780.000)	(42.600.780.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
31/12/2021	723.552.780.000	(105.794.733)	2.950.219.860	-	89.137.896.242	815.535.101.369
01/01/2022	723.552.780.000	(105.794.733)	2.950.219.860	-	89.137.896.242	815.535.101.369
- Tăng vốn trong kỳ này	400.000.000.000	(132.407.407)	-	-	-	399.867.592.593
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	50.109.374.763	50.109.374.763
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
30/6/2022	1.123.552.780.000	(238.202.140)	2.950.219.860	-	139.247.271.005	1.265.512.068.725

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	723.552.780.000	680.952.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	400.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.123.552.780.000	680.952.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

17.3 CỔ PHIẾU

	30/06/2022 CP	01/01/2022 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.355.278	72.355.278
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	112.355.278	72.355.278
+ Cổ phiếu phổ thông	112.355.278	-
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	112.355.278	72.355.278
+ Cổ phiếu phổ thông	112.355.278	72.355.278
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
		-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

17.4 CÁC QUỸ

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.950.219.860	2.950.219.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng	493.330.449.202	215.252.945.301
- Doanh thu sản xuất, dịch vụ xây lắp	70.739.305.256	109.389.679.068
Cộng	564.069.754.458	324.642.624.369

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	447.985.966.375	200.333.971.230
- Giá vốn xây lắp	55.502.334.585	104.845.188.505
Cộng	503.488.300.960	305.179.159.735

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.499.657.619	2.511.188
- Lãi bán các khoản đầu tư	5.360.000.000	-
Cộng	6.859.657.619	2.511.188

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	609.782.426	288.771.221
Cộng	609.782.426	288.771.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

22. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Các khoản bị phạt	105.158.482	-
	105.158.482	-

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	3.711.667.408	2.382.272.372
- Chi phí nhân viên quản lý	861.088.221	948.157.902
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.415.356.404	77.616.059
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	656.449.602	601.716.269
- Thuế, phí và lệ phí	29.300.000	31.966.666
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	322.204.048	590.386.946
- Chi phí bằng tiền khác	427.269.133	132.428.530
b) Các khoản chi phí bán hàng	288.966.155	718.559.538
- Chi phí nhân viên	288.966.155	696.059.538
- Chi phí bằng tiền khác		22.500.000
Cộng	4.000.633.563	3.100.831.910

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.725.536.646	16.076.372.694
Các khoản chi phí không được khấu trừ	355.272.766	214.428.571
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất	214.114.284	178.428.571
- Các khoản chi phí (phạt)	105.158.482	-
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT, BKS	36.000.000	36.000.000
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	63.080.809.412	16.290.801.265
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	12.616.161.883	3.258.160.253
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.616.161.883	3.258.160.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

25.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	50.109.374.763	12.818.212.441
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	82.138.234	68.095.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	610	188

25.2 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	50.109.374.763	12.818.212.441
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	50.109.374.763	12.818.212.441
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	82.138.234	68.095.200
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	2.154.565
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	610	182

25.3 LỢI NHUẬN THUẦN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	50.109.374.763	12.818.212.441

25.4 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN ĐANG LƯU HÀNH

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	72.355.278	-
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	40.000.000	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	82.138.234	68.095.200

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MBG

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***26. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: kinh doanh thương mại, dịch vụ xây lắp.....

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Xây lắp	Phát triển dịch vụ mới	Tổng bộ phận đã báo cáo	Khác	Loại trừ	Tổng cộng toàn Công ty
KẾT QUẢ KINH DOANH							
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	493.330.449.202	70.739.305.256	-	564.069.754.458	-	-	564.069.754.458
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-
Khấu hao và chi phí phân bổ	438.379.275.511	62.859.783.819	-	501.239.059.330	-	-	501.239.059.330
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	54.951.173.691	7.879.521.437		62.830.695.128			62.830.695.128
TÀI SẢN							
Tài sản bộ phận	838.951.540.072	120.298.370.360	-	959.249.910.432	-	-	959.249.910.432
Tài sản không phân bổ	-	-	-	374.395.852.371	-	-	374.395.852.371
Tổng tài sản				1.333.645.762.803			1.333.645.762.803
NỢ PHẢI TRẢ							
Nợ phải trả bộ phận	58.957.205.550	8.453.951.641	-	67.411.157.191	-	-	67.411.157.191
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	590.129.480	-	-	590.129.480
Tổng nợ phải trả				68.001.286.671			68.001.286.671

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan

(Đơn vị tính: VND)

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Vcado Global	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần MBG Lạc Sanh Phú Yên	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Zone Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Người đại diện pháp luật là thành viên HĐQT MBG đồng thời là vợ ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Miền Trung	Công ty liên kết/ cùng người đại diện pháp luật là ông Phạm Huy Thành
- Công ty Cổ phần Green Island	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Người đại diện pháp luật là ông Phạm Mạnh Cường – Anh trai Ông Phạm Huy Thành-Người đại diện pháp luật MBG
- Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch HĐQT- Người đại diện pháp luật Công ty
- Bà Đặng Thị Tiệp	Mẹ vợ ông Phạm Huy Thành – Người đại diện pháp luật Công ty
- Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Vợ ông Phạm Huy Thành – Thành viên HĐQT đồng thời là Phó tổng giám đốc Công ty

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Số dư	Cuối năm	Đầu năm
Công ty Cổ phần PJACA Phú Yên	Người mua trả tiền trước	1.728.668.400	1.728.668.400

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
- Ông Phạm Huy Thành	Thuê văn phòng	120.000.000
- Bà Đặng Thị Tiệp	Thuê văn phòng	48.000.000
- Công ty Cổ phần Golf Quốc tế Quang Tiến	Thoái vốn	13.400.000.000
- Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Tạm ứng	63.050.000.000

Thu nhập của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

	30/06/2022	30/06/2021
Thu nhập của Hội đồng quản trị	72.000.000	72.000.000
Phạm Huy Thành	24.000.000	24.000.000
Đặng Thị Tuyết Lan	12.000.000	12.000.000
Vương Bảo Yến	12.000.000	12.000.000
Trần Thúy Loan	12.000.000	12.000.000
Dương Quang Đông	12.000.000	12.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

Thu nhập của Ban Kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Phạm Tuyết Nhung	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Hạnh	6.000.000	6.000.000
Nguyễn Thị Mai	6.000.000	6.000.000
Thu nhập của Ban Giám đốc	195.140.738	343.947.076
Phạm Huy Thành	81.288.887	81.486.769
Phạm Đình Trung		150.486.769
Đặng Thị Tuyết Lan	62.407.406	60.486.769
Dương Quang Đông	51.444.445	51.486.769
Cộng	291.140.738	439.947.076

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MBG đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quyên

Kế toán trưởng

Phan Thị Trà Giang



Phạm Huy Thành

Số: 1108/CV-MBG

(V/v: Giải trình lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2022)

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Công ty Cổ phần tập đoàn MBG giải trình việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 biến động tăng hơn 10 % so với 06 tháng đầu năm 2021. Cụ thể như sau:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN 06 tháng đầu Năm 2021: 12.818.212.441 đồng.
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN 06 tháng đầu Năm 2022: 50.109.374.763 đồng.

Chênh lệch tăng: 37.291.162.322 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 290,92% so với 06 tháng đầu năm trước nguyên nhân do:

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	18	564.069.754.458	324.642.624.369
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		564.069.754.458	324.642.624.369
Giá vốn hàng bán	11	19	503.488.300.960	305.179.159.735
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.581.453.498	19.463.464.634
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	6.859.657.619	2.511.188
Chi phí tài chính	22	21	609.782.426	288.771.221
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		609.782.426	288.771.221
Chi phí bán hàng	25	23	288.966.155	718.559.538
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	3.711.667.408	2.382.272.372
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.830.695.128	16.076.372.691
Thu nhập khác	31		-	3
Chi phí khác	32	22	105.158.482	-
Lợi nhuận khác	40		(105.158.482)	3
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.725.536.646	16.076.372.694
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	12.616.161.883	3.258.160.253
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.109.374.763	12.818.212.441
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	610	188

- Doanh thu bán hàng 06 tháng đầu năm 2022 tăng so với 06 tháng đầu năm 2021 là 239.427.130.089 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 73,75%. Do doanh nghiệp ký kết được nhiều hợp đồng kinh tế đem lại doanh thu cao hơn so với cùng kỳ năm trước.
- Giá vốn 06 tháng đầu năm 2022 tăng so với 06 tháng đầu năm 2021 là 198.309.141.225 đồng tương ứng với tỷ lệ tăng 64,98%. Tỷ lệ tăng doanh thu là 73,75% trong khi tỷ lệ tăng giá vốn là 64,98%, điều này cho thấy Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ 06 tháng đầu năm 2022 tăng 41.117.988.864 đồng tương đương với tăng 211,26% so với 06 tháng đầu năm 2021.
- Doanh thu hoạt động chính 06 tháng đầu năm 2022 tăng so với 06 tháng đầu năm 2021 là 6.857.146.431 đồng tương đương với tỷ lệ tăng 273.063,84%.

Trên đây là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022 của công ty.

Công ty cổ phần tập đoàn MBG cam kết nội dung trong công văn giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Huy Thành

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD, BKS (b/c);
- CBTT (Website);
- Lưu HC, TCKT.